

Số: 125 /2007/QĐ-UBND

Hà Nội, ngày 22 tháng 10 năm 2007

## **QUYẾT ĐỊNH**

### **Về việc Thu lệ phí hộ tịch trên địa bàn thành phố Hà Nội**

#### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Pháp lệnh Phí, Lệ phí số 38/2001/PL-UBTVQH10 ngày 28/8/2001;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 106/2003/NĐ-CP ngày 23/09/2003 của Chính phủ quy định về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phí, lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06/3/2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 06/2004/TT-BTC ngày 04/02/2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 106/2003/NĐ-CP ngày 23/9/2003 của Chính phủ quy định về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phí, lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25/05/2006 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 97/2006/TT-BTC ngày 16/10/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, Thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Nghị quyết số 03/2007/NQ-HĐND ngày 13/07/2007 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hà Nội Khoá XIII Kỳ họp thứ 9;

Xét đề nghị của Liên ngành Tư pháp - Tài chính - Cục Thuế TPHN tại Tờ trình số 01/TTrLN:CT-STC-STP ngày 24/05/2007 và Liên ngành Cục thuế TPHN - Tài chính - Kho bạc Nhà nước Hà Nội tại Tờ trình số 6906 TTrLN/CTHN-STC-KBHN ngày 07/06/2007,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

### **Điều 1. Đối tượng nộp lệ phí**

Cá nhân được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết các công việc về hộ tịch theo quy định của pháp luật phải nộp lệ phí hộ tịch.

**Điều 2. Mức thu lệ phí**

Số TT	Công việc thực hiện	Đơn vị tính	Mức thu
I	Các việc đăng ký hộ tịch thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã, phường, thị trấn (*)		
1	Đăng ký khai sinh	đồng /1 việc	5.000
2	Đăng ký kết hôn	đồng /1 việc	20.000
3	Đăng ký nuôi con nuôi	đồng /1 việc	20.000
4	Đăng ký nhận cha, mẹ, con	đồng /1 việc	10.000
5	Thay đổi, cải chính hộ tịch cho người dưới 14 tuổi, bổ sung hộ tịch, điều chỉnh hộ tịch	đồng /1 việc	10.000
6	Cấp bản sao giấy tờ hộ tịch từ sổ hộ tịch	đồng /1 bản	2.000
7	Xác nhận tình trạng hôn nhân	đồng /1 việc	3.000
8	Các việc đăng ký hộ tịch khác bao gồm cả tổ chức trao Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn tại trụ sở UBND	đồng /1 việc	5.000
II	Các việc đăng ký hộ tịch thuộc thẩm quyền cấp huyện (quận)		
1	Cấp lại bản chính Giấy khai sinh	đồng /1 việc	10.000
2	Cấp bản sao giấy tờ hộ tịch	đồng /1 bản sao	3.000
3	Thay đổi, cải chính hộ tịch; xác định lại dân tộc; xác định lại giới tính; bổ sung hộ tịch; điều chỉnh hộ tịch cho mọi trường hợp không phân biệt độ tuổi	đồng / 1 việc	25.000
III	Các việc đăng ký hộ tịch thuộc thẩm quyền cấp Thành phố (*)		
1	Đăng ký hộ tịch thuộc thẩm quyền của UBND TP		
	- Đăng ký kết hôn	đồng /1 việc	1.000.000
	- Đăng ký nuôi con nuôi	đồng /1 việc	2.000.000
	- Đăng ký nhận cha, mẹ, con	đồng /1 việc	1.000.000
2	Đăng ký hộ tịch thuộc thẩm quyền của Sở Tư pháp		
	- Đăng ký khai sinh	đồng /1 việc	50.000
	- Cấp bản sao giấy tờ hộ tịch từ sổ hộ tịch	đồng /1 bản	5.000
	- Xác nhận các giấy tờ hộ tịch, bao gồm bổ sung, cải chính hộ tịch	đồng /1 việc	10.000
	- Các việc đăng ký hộ tịch khác	đồng /1 việc	50.000
	- Cấp lại bản chính giấy khai sinh, ghi chú kết hôn	đồng /1 bản	10.000
(*) : không thu lệ phí hộ tịch đối với việc đăng ký khai tử			

### **Điều 3. Đơn vị thu lệ phí**

1. Sở Tư pháp Hà Nội.

2. Ủy ban nhân dân quận, huyện, xã, phường, thị trấn (thông qua hệ thống cơ quan tư pháp là cơ quan chuyên môn tham mưu giúp Ủy ban nhân dân thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về lĩnh vực hộ tịch trên địa bàn).

Đơn vị thu lệ phí có trách nhiệm niêm yết hoặc thông báo công khai tại địa điểm thu lệ phí về tên lệ phí, mức thu lệ phí, phương thức thu và cơ quan quy định thu. Khi thu tiền lệ phí phải cấp chứng từ thu lệ phí cho đối tượng nộp lệ phí theo quy định.

### **Điều 4. Quản lý, sử dụng tiền lệ phí thu được**

Đơn vị thu lệ phí nộp Ngân sách Nhà nước 70% và được để lại 30% trên tổng số lệ phí thu được và phải quản lý, sử dụng số tiền lệ phí được để lại theo đúng hướng dẫn tại Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/07/2002 và Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25/05/2006 của Bộ Tài chính.

### **Điều 5. Chứng từ thu lệ phí**

Sử dụng biên lai thu phí, lệ phí do Cơ quan thuế phát hành.


### **Điều 6. Xử lý vi phạm**

Các trường hợp vi phạm sẽ bị xử lý theo Nghị định số 106/2003/NĐ-CP ngày 23/09/2003 của Chính phủ và Thông tư số 06/2004/TT-BTC ngày 04/02/2004 của Bộ Tài chính.


### **Điều 7. Hiệu lực thi hành**

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

### **Điều 8. Tổ chức thực hiện**

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố; Giám đốc các Sở: Tài chính, Tư pháp; Kho bạc Nhà nước Hà Nội; Cục Thuế Thành phố Hà Nội; Chủ tịch UBND các Quận, Huyện; Các tổ chức và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. / 

#### **Nơi nhận:**

- Như Điều 8;
  - TT Thành Ủy, TT HĐND TP; (đề
  - Bộ Tài chính; (báo
  - Đ/c CT UBND TP; (cáo
  - Các đ/c PCT UBND TP;
  - CPVP, các Phòng CV;
  - Lưu VT. 
- (UBND quận, huyện sao gửi  
Quyết định này đến UBND xã,  
phường, thị trấn trực thuộc)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHỤ CHỦ TỊCH**



**Hoàng Mạnh Hiến**